

Số: 1843/YCBG-SYT

Lai Châu, ngày 19 tháng 9 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ vào Biên bản họp hội đồng khoa học ngày 24/3/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Biên bản họp hội đồng khoa học ngày 25/3/2024 của Trung tâm Y tế huyện Than Uyên;

Sở Y tế tỉnh Lai Châu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt hệ thống lọc nước RO và máy chạy thận nhân tạo cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lai Châu” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Sở Y tế tỉnh Lai Châu.

- Địa chỉ: Tổ 27, phường Đông Phong, TP Lai Châu, tỉnh Lai Châu

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Cường - Chức vụ: Chuyên viên.

- Số điện thoại: 02133799998

- Email: phongkhtcsytlc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp các hàng hoá gửi báo giá (*Bản gốc*) trực tiếp hoặc theo dịch vụ chuyển phát tại địa chỉ như sau:

+ Người nhận: Nguyễn Mạnh Cường.

+ Đơn vị tiếp nhận: Sở Y tế tỉnh Lai Châu

+ Địa chỉ: Tổ 27, phường Đông Phong, TP. Lai Châu, tỉnh Lai Châu

- Đề nghị các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu đính kèm (*Phụ lục 02 - Mẫu báo giá*).

- Ngoài ra trước khi gửi bản gốc báo giá đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá gửi file Scan báo giá qua địa chỉ Email: phongkhtcsytlc@gmail.com.

- Lưu ý: Nhà cung cấp chỉ cần đáp ứng cơ bản yêu cầu kỹ thuật tham khảo tại Phụ lục I và có thể chào hàng hóa có tính năng kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn (kèm theo tài liệu chứng minh về việc này).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 21 tháng 9 năm 2024 đến trước 15h00 ngày 02 tháng 10 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Hệ thống lọc nước RO	Chi tiết theo danh mục Phụ lục đính kèm	01	Hệ thống
2	Máy chạy thận nhân tạo	Chi tiết theo danh mục Phụ lục đính kèm	08	Máy

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: bàn giao, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ tại: Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trung tâm Y tế huyện Than Uyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: ≤ 90 ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Tạm ứng tối đa 30%, thanh toán theo khối lượng hoàn thành.

5. Các thông tin khác: Phụ lục Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải trên cổng TTĐT Sở Y tế
- Lưu: VT, KHTC, HS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Phong

PHỤ LỤC 1: YÊU CẦU CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT THIẾT BỊ

1. Máy chạy thận nhân tạo

I. YÊU CẦU CHUNG
- Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2023 trở về sau.
- Nguồn điện sử dụng phù hợp với điện áp Việt Nam: 220V/380V; 50Hz.
- Môi trường hoạt động :
+ Độ ẩm tương đối: 30-80%
+ Nhiệt độ môi trường: 10-40°C
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương của nhà sản xuất hàng hóa
II. YÊU CẦU KỸ THUẬT
1. Cấu hình tối thiểu
- Dây nối với hệ thống nước RO : 01 cái
- Dây nối với hệ thống nước thải : 01 cái
- Giá đỡ quả lọc: 01 cái
- Giá treo dịch truyền: 01 bộ
- Đèn cảnh báo: 01 cái
- Pin dự phòng : 01 cái
- Bộ dây, kim và quả lọc để chạy thử máy ban đầu: 01 bộ
- Dịch lọc A: 02 can
- Dịch lọc B: 02 can
- Hướng dẫn sử dụng Anh/Việt: 01 bộ
2. Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu
2.1. Các tính năng tối thiểu yêu cầu:
- Có chức năng lọc máu HD
- Có chức năng siêu lọc UF
- Có chức năng thẩm phân 1 kim
- Có chức năng tiết kiệm dịch lọc
- Có chức năng tự kiểm tra máy và kiểm tra rò rỉ mạch kín trong quá trình lọc.
- Có chức năng loại bỏ khí trong nguồn nước cấp.
- Có chức năng hỗ trợ môi dây tự động
- Có chức năng theo dõi chỉ số Kt/V trong quá trình điều trị.
- Có chức năng điều chỉnh thể tích của buồng động mạch và tĩnh mạch
- Có chức năng tự động cài đặt tốc độ siêu lọc từ giá trị siêu lọc đích và thời gian siêu lọc
- Có ác quy dự phòng đảm bảo máy có thể hoạt động trong một khoảng thời gian khi mất điện: ≥ 15 phút
2.2. Màn hình hiển thị
- Màn hình màu LCD hoặc cao cấp hơn
- Kích thước ≥ 10 inch
2.3 Nguồn nước đầu vào
- Chịu được áp lực tối đa: ≥ 3 Bar
- Lưu lượng ≥ 800 ml/phút

2.4 Bơm máu
- Bơm máu sử dụng bơm trực lặn, kiểu ≥ 2 trực lặn
- Sử dụng được nhiều loại dây máu khác nhau.
- Phạm vi tốc độ của bơm máu có thể điều chỉnh: Từ 0 đến ≥ 600 ml/phút (với dây đường kính trong 8.0mm)
- Phạm vi tốc độ của bơm máu có thể điều chỉnh: Từ 0 đến ≥ 400 ml/phút (với dây đường kính trong 6.5 mm)
2.5 Bơm Heparin
- Kích thước bơm tiêm sử dụng: tối thiểu 3 kích thước: 10, 20, 30 mL
- Tốc độ của bơm tiêm có thể điều chỉnh: Từ 0 đến ≥ 9 mL/giờ
- Có chức năng bơm nhanh
2.6 Cảm biến phát hiện bọt khí
- Dùng cảm biến siêu âm hoặc cao cấp hơn
2.7 Cảm biến phát hiện rò rỉ máu
- Dùng cảm biến quang điện
- Độ nhạy ≤ 0.5 ml máu/phút
2.8 Chỉ số dịch lọc
- Phạm vi điều chỉnh nhiệt độ dịch lọc: Từ ≤ 33 °C đến ≥ 40 °C
- Phạm vi điều chỉnh lưu lượng dịch lọc: Từ ≤ 300 đến ≥ 700 mL/phút.
- Phạm vi điều chỉnh độ dẫn của dịch lọc ≤ 13 mS/cm đến ≥ 16 mS/cm với sai số $\leq \pm 0.1$ mS/cm
- Phạm vi hiển thị áp lực dịch lọc: Từ ≤ -400 mmHg đến $\geq +400$ mmHg. Sai số: $\leq \pm 3$ mmHg
2.9 Phạm vi hiển thị áp suất tĩnh mạch
- Khoảng hiển thị : Từ ≤ -200 mmHg đến $\geq +400$ mmHg với sai số $\leq \pm 3$ mmHg
2.10 Phạm vi hiển thị áp suất động mạch
- Khoảng hiển thị : Từ ≤ -400 mmHg đến $\geq +500$ mmHg với sai số $\leq \pm 3$ mmHg
2.11 Phạm vi hiển thị chỉ số áp lực xuyên màng (TMP)
- Khoảng hiển thị : Từ ≤ -400 mmHg đến $\geq +500$ mmHg
2.12 Chỉ số siêu lọc UF:
- Phạm vi hiển thị chỉ số tốc độ siêu lọc từ 0 đến ≥ 5 L/h với sai số: $\leq \pm 2\%$
2.13 Chức năng khử trùng:
- Có chương trình rửa bằng nước.
- Có chương trình rửa với nhiệt độ cao ≥ 85 °C
- Có chương trình khử trùng bằng nước nóng kết hợp với axit.
- Có chương trình khử trùng bằng hóa chất.
2.14 Cảnh báo an toàn: tối thiểu có đèn và âm thanh cảnh báo

2. Hệ thống lọc nước RO

I. YÊU CẦU CHUNG

- Cấu hình RO gián tiếp
- Xử lý nước tinh khiết 2 giai đoạn (RO 2 lần), công suất 300 Lít/giờ đến 350 lít/giờ
- Xây dựng cấu hình RO áp dụng các tiêu chuẩn sau:

- ISO 23500:2019-1 chuẩn bị và quản lý chất lượng dịch thận nhân tạo và các trị liệu liên quan - Phần I: Những quy định chung
- ISO 23500:2019-2 chuẩn bị và quản lý chất lượng dịch thận nhân tạo và các trị liệu liên quan - Phần II: Thiết bị xử lý nước cho ứng dụng thận nhân tạo và các trị liệu liên quan
- ISO 23500:2019-3 chuẩn bị và quản lý chất lượng dịch thận nhân tạo và các trị liệu liên quan - Phần III: Nước cho thận nhân tạo và các trị liệu liên quan
- Năm sản xuất: 2023 trở về sau

II. CẤU HÌNH CHI TIẾT

II.1. HỆ THỐNG TIỀN XỬ LÝ

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
1	Bể chứa nước nguồn: Bồn inox 304 dung tích 2000 lít	Cái	01
2	Bơm nước tiền xử lý - Bơm trục ngang hoặc trục đứng, moto bằng gang, thân và tầng cánh bơm bằng SUS304 - Công suất $P = 0,75\text{kW}$ trở lên - Điện áp 1 pha 220-240V hoặc 3 pha 380V, 50 – 60 Hz - Lưu lượng 1 - 4 m^3 hoặc tương đương, cột áp 38-30m - Hai bơm chạy luân phiên	Cái	02
3	Bộ lọc đa lớp (lọc cát, lọc thô)	Bộ	01
3.1	Vỏ cột lọc - Kích thước tối thiểu $D=360$, $H=1662$ trở lên đảm bảo vận tốc nước qua cột từ 7.5m/h đến 15 m/h - Chất liệu: composite hoặc tương đương - Áp lực: $P_{\text{max}} = 150 \text{ Psi}$ (1 MPa) - Đạt tiêu chuẩn CE,ISO và có chứng nhận NSF	Cái	01
3.2	Van điều khiển súc rửa tự động - Màn hình điện tử và phím chức năng cài đặt chế độ rửa tự động - Thực hiện được các chức năng rửa ngược, rửa xuôi, chế độ lọc - Công suất hoạt động max: $4\text{m}^3/\text{h}$ - Đạt tiêu chuẩn CE,RoHS và chứng nhận NSF	Cái	01
3.3	Đồng hồ đo áp suất trước cột	Cái	01
3.4	Vật liệu lọc • Vật liệu xử lý kim loại - Công dụng: khử sắt dầu, kim loại nặng - Kích thước hạt: 0,1-10mm - Khả năng giữ ẩm: 90-95% - Tổng diện tích bề mặt: $120-180 \text{ m}^2/\text{g}$ - Tổng dung lượng hấp phụ: $1,3\text{g/g}$ - Độ xốp: 70% - Đường kính hạt: 0,9-1,2mm - Quy cách bao $\approx 25\text{kg}$ • Cát thạch anh: - Kích thước hạt: 1-2mm • Sỏi đệm: Kích cỡ hạt: 5 – 10mm	Lít	80
4	Bộ lọc than hoạt tính: 2 bộ than hoạt nối tiếp và bằng nhau, mỗi bộ có cấu hình sau	Bộ	02
4.1	Vỏ cột lọc	Cái	01

	- Kích thước tối thiểu D=360, H=1662 trở lên đảm bảo vận tốc nước qua cột từ 7.5m/h đến 15 m/h - Chất liệu: composite hoặc tương đương - Áp lực: Pmax =150 Psi(1 MPa) - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO và có chứng nhận NSF		
4.2	Van điều khiển súc rửa tự động - Màn hình điện tử và phím chức năng cài đặt chế độ rửa tự động - Thực hiện được các chức năng rửa ngược, rửa xuôi, chế độ lọc - Công suất hoạt động max: 4m ³ /h - Đạt tiêu chuẩn CE, RoHS và chứng nhận NSF	Cái	01
4.3	Đồng hồ đo áp suất trước cột	Cái	01
4.4	Vật liệu • Than hoạt: - Chỉ số hấp phụ iodine ≥ 900 mg/g - Tỷ trọng: ≥ 290 kg/m³ trở lên - Độ tro $\leq 10\%$ - Số lượng đủ đảm bảo EBCT mỗi cột tối thiểu 5 phút • Sỏi đệm: Kích cỡ hạt: 5 - 10mm	Lít	80
4.5	Van xét nghiệm mẫu nước sau cột	Cái	01
5	Bộ làm mềm	Bộ	01
5.1	Vỏ cột lọc - Kích thước tối thiểu D=360, H=1662 trở lên đảm bảo vận tốc nước qua cột từ 7.5m/h đến 15 m/h - Chất liệu: composite - Áp lực: Pmax =150 Psi(1 MPa) - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO và có chứng nhận NSF	Cái	01
5.2	Van điều khiển hoàn nguyên tự động : - Công suất max: 4m ³ /h - Màn hình điện tử và phím chức năng cài đặt chế độ rửa và hoàn nguyên tự động - Thực hiện được các chức năng rửa ngược, hút muối, rửa xuôi, bù nước bề muối, lọc - Tiêu chuẩn: NSF/ANSI	Cái	01
5.3	Đồng hồ đo áp suất trước cột	Cái	01
5.4	Van xét nghiệm mẫu nước sau cột	Cái	01
5.5	Nguyên liệu lọc làm mềm nước - Công dụng trao đổi cation can xi, magie làm mềm nước - Tổng lượng trao đổi: $\geq 1,8$ eq/L - Kích thước trung bình: 300-1.180 μm - Mật độ hạt: 1,19 g/mL hoặc tương đương - Dung trọng: 800g/L hoặc tương đương - Phạm vi nhiệt độ : 5 - 120°C hoặc tương đương - Sỏi đệm: Kích cỡ hạt: 5 - 10mm hoặc tương đương	Cái	01
5.6	• Thùng chứa muối hoàn nguyên: - Công dụng chứa nước muối để tái sinh hạt lọc - Thùng nhựa dung tích ≥ 100 lít - Dây ống hút muối kết nối với van tự động	Cái	01
5.7	Bộ lọc Catridge 5 micromet • Phin lọc - Kích thước D =200mm, L = 610mm:	Bộ	01

	- Áp lực: $p=0,05-0,7\text{Mpa}$ • Lỗi lọc: - Lỗi lọc Cartridge 5 micromet, chất liệu Polypropylen, đường kính ngoài 63 mm, đường kính trong 28mm Chiều dài 20 inch - Kích thước lỗ lọc 5 micron - Áp lực : $p=1,03-4,14\text{ bar}$ (15 PSI – 60 PSI) - Nhiệt độ max: $t = 82^{\circ}\text{C}$		
5.8	Bồn chứa nước mềm - Chất liệu SUS 304 hoặc 316 - Dung tích 180 lít trở lên - Công tắc báo đầy, báo cạn	Cái	01
II.2	HỆ THỐNG SẢN XUẤT NƯỚC RO 2 GIAI ĐOẠN Áp dụng các tiêu chuẩn sau: - ISO 23500:2019-1 chuẩn bị và quản lí chất lượng dịch thận nhân tạo và các trị liệu liên quan - Phần I: Những quy định chung - ISO 23500:2019-2 chuẩn bị và quản lí chất lượng dịch thận nhân tạo và các trị liệu liên quan - Phần II: Thiết bị xử lí nước cho ứng dụng thận nhân tạo và các trị liệu liên quan	Hệ thống	01
II.2.1	SẢN XUẤT NƯỚC RO LẦN I - Công suất 700 l/h trở lên	Bộ	01
II.2.1.1	1. Bơm ly tâm trực đứng: - Moto bằng gang, thân và tầng cánh bơm bằng SUS304 - Công suất $P=2,2\text{Kw}$, điện áp 3 x 200-220V/346-380V/50Hz, 3 x 220- 240V/3 80-415V/50Hz 380-415V/50Hz - $Q = 1-2\text{m}^3/\text{h}$, $H = 161-136\text{m}$ - Mức độ bảo vệ: IP 55 - Áp lực max 21 bar - Nhiệt độ nước - $15^{\circ}\text{C} \sim +70^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ môi trường xung quanh tối đa: $+40^{\circ}\text{C}$	Cái	01
II.2.1.2	Vỏ màng RO Inox SUS304: - Chất liệu SUS304 - Kích thước $D=102\text{mm}$, $L=1077\text{mm}$	Cái	03
II.2.1.3	Màng lọc thẩm thấu ngược RO - Áp lực vận hành 200 Psi(1,380 kPa) hoặc tương đương - Áp lực vận hành tối đa 600 Psi (41 bar) - Nhiệt độ hoạt động: 45°C - Giảm áp: 15 psi (1 bar) - pH hoạt động: 2 – 11 - pH vệ sinh thời gian ngắn: 1 – 13 - Thái muối 99.5% trở lên ở nồng độ NaCl 2000 ppm, pH 8, áp suất 15,5 bar, hồi phục 15% - Lưu lượng $9,8\text{ m}^3/\text{ngày} \pm 15\%$ ở nồng độ NaCl 2000 ppm, pH 8, áp suất 15,5 bar, hồi phục 15%	Cái	03
II.2.1.4	Lưu lượng kế - Chức năng: Đo thông số lưu lượng nước - Lưu lượng kế: Phạm vi đo: 4-36 LPM	Cái	02
II.2.1.5	Đồng hồ áp suất: - Cấu tạo: thân inox, mặt kính - Chân ren kết nối bằng inox $\varnothing 13\text{mm}$	Cái	02
II.2.1.6	Thiết bị đo độ dẫn điện nước mềm - Dải đo: $0.05\text{M}\Omega.\text{cm} - 20\text{mS}/\text{cm}$	Cái	01

	- Nhiệt độ trung bình : 0 - 50 độ C		
II.2.1.6	Thiết bị đo độ dẫn điện nước tinh khiết - Dải đo: 0.05MΩ.cm - 20mS/cm hoặc thấp hơn - Nhiệt độ trung bình : 0 - 50 độ C	Cái	01
II.2.1.7	Đường ống và phụ kiện chất liệu UPVC, - Van điện từ bằng SUS 304 hoặc 316	Bộ	01
II.2.1.7	Bình chứa nước RO 1 - Dung tích 180 lít trở lên - Chất liệu SUS 304 hoặc 316 - Bảo cạn, bảo đầy, chống tràn	Bộ	01
II.2.1	SẢN XUẤT NƯỚC RO LẦN II - Công suất 300 l/h đến 350 l/h	Bộ	01
II.2.2.1	1. Bơm ly tâm trực đứng: - Moto bằng gang, thân và tầng cánh bơm bằng SUS304 - Công suất P=2,2Kw, điện áp 3 x 200-220V/346-380V/50Hz, 3 x 220- 240V/3 80-415V/50Hz 380-415V/50Hz - Q = 1-2m ³ /h, H = 161-136m - Mức độ bảo vệ: IP 55 - Áp lực max 21 bar - Nhiệt độ nước - 15°C ~ +70°C - Nhiệt độ môi trường xung quanh tối đa: +40°C	Cái	01
II.2.2.2	Vỏ màng RO Inox SUS304: - Chất liệu SUS304 - Kích thước D=102mm, L=1077mm	Cái	02
II.2.2.3	Màng lọc thẩm thấu ngược RO - Áp lực vận hành 200 Psi(1,380 kPa) hoặc tương đương - Áp lực vận hành tối đa 600 Psi (41 bar) - Nhiệt độ hoạt động: 45°C - Giảm áp: 15 psi (1 bar) - pH hoạt động: 2 – 11 - pH vệ sinh thời gian ngắn: 1 – 13 - Thải muối 99.5% trở lên ở nồng độ NaCl 2000 ppm, pH 8, áp suất 15,5 bar, hồi phục 15% - Lưu lượng 9,8 m3/ngày ± 15% ở nồng độ NaCl 2000 ppm, pH 8, áp suất 15,5 bar, hồi phục 15%	Cái	02
II.2.2.4	Lưu lượng kế - Chức năng: Đo thông số lưu lượng nước - Lưu lượng kế: Phạm vi đo: 4-36 LPM	Cái	02
II.2.1.5	Đồng hồ áp suất: - Cấu tạo: thân inox, mặt kính - Chân ren kết nối bằng inox Ø13mm	Cái	02
II.2.2.6	Thiết bị đo độ dẫn điện nước mềm - Dải đo: 0.05MΩ.cm - 20mS/cm - Nhiệt độ trung bình : 0 - 50 độ C	Cái	01
II.2.2.7	Thiết bị đo độ dẫn điện nước tinh khiết - Dải đo: 0.05MΩ.cm - 20mS/cm hoặc thấp hơn - Nhiệt độ trung bình : 0 - 50 độ C	Cái	01
II.2.2.8	Đường ống và phụ kiện chất liệu UPVC, - Van điện từ bằng SUS 304 hoặc 316	Bộ	01
II.2.3	Khung máy - Vật liệu: Thép chống rỉ	Bộ	01

	- Có bánh xe hoặc chân đế		
II.2.4	Tủ điện điều khiển: Tủ điện điều khiển điện tự động hoặc lập trình PLC thực hành được các chức năng sau - Chế độ vận hành tự động - Chế độ vận hành thủ công - Chế độ vận hành cưỡng bức - Chế độ tự động chạy ngắt quãng trong thời gian nghỉ - Chế độ khử khuẩn màng RO lần 1 và màng RO lần 2 tự động - Báo động áp suất cao - Báo động hết nước nguồn - Báo động khi độ dẫn điện RO cao	Bộ	01
III	BỒN CHỨA NƯỚC RO THÀNH PHẨM ĐẠT TIÊU CHUẨN VI SINH - Dung tích: 1000 lít - Bồn đứng chất liệu inox SUS 304 hoặc 316, - Dưới chòm nón, trên chòm cầu dày 3mm, thân 2mm, có cơ cấu phun nước - Bộ báo mức mực nước đầy, vơi, cạn - Lọc khí cân bằng áp, ngăn bụi và vi sinh vào bồn chứa nước R.O, màng lọc $\leq 0.2\mu\text{m}$ - Đèn UV xử lý vi sinh thứ cấp + Công suất 37W + Kiểm soát : BA-ICE-CL	bộ	01
IV	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC CHO MÁY THẬN (thiết kế quay vòng liên tục)	Hệ thống	01
IV.1	Bơm cấp nước cho hệ thống rửa quả lọc thận nhân tạo (bao gồm 02 bơm chạy luân phiên) - Bơm ly tâm trục ngang, Moto bằng gang, thân và buồng bơm, cánh bơm chất liệu bằng AISI304 - Công suất $P=0,75\text{Kw}$, điện áp 1p/220v – 3p/380v/50hz - $Q = 1-7\text{m}^3/\text{h}$, $H = 19-37,5\text{m}$ - Mức độ bảo vệ: IP 55 - Áp lực max 10 bar - Nhiệt độ tối đa của chất lỏng: -15°C đến $+120^\circ\text{C}$.	02	Cái
IV.2	Đồng hồ áp suất: - Cấu tạo: thân inox, mặt kính - Kích thước bề mặt $\geq \varnothing 63\text{mm}$ - Thang đo: 1 - 10 kg/cm^2	bộ	02
IV.3	Đèn cực tím UV công suất $Q = 2\text{m}^3/\text{h}$. - Công suất 35W - Áp lực max 8,62bar	bộ	01
IV.4	Bộ lõi lọc sát khuẩn 0,2 micromet, chất liệu Polypropylene: - Chiều dài 508 mm, đường kính ngoài 7,0 cm - Áp lực tối đa 35 Psid - Nhiệt độ tối đa $176^\circ\text{F}(80^\circ\text{C})$	cái	02
IV.5	Hệ thống đường ống thoát nước thải của máy thận: (chất liệu PVC) Ống chính bao gồm: Ống nhựa PVC Linh kiện, phụ kiện bao gồm bằng chất liệu PVC	bộ	01
IV.6	Van điều áp: Thân van bằng inox304	bộ	01

IV.7	- Tủ điện điều khiển - MCCB, contactor, công tắc, đèn báo, các rơ le... - Chương trình hoạt động được thiết kế tự động chạy và vận hành thủ công từng bơm...	bộ	01
V	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHO RỬA QUẢ LỌC THẬN NHÂN TẠO	Hệ thống	01 hệ
V.1	Bơm cấp nước cho hệ thống rửa quả lọc thận nhân tạo(bao gồm 02 bơm chạy luân phiên) - Bơm ly tâm trục ngang, Moto bằng gang, thân và buồng bơm, cánh bơm chất liệu bằng AISI304 - Công suất $P=0,75Kw$, điện áp 1p/220v – 3p/380v/50hz - $Q = 0,5-3,5m^3/h$, $H = 53,5-24m$ - Mức độ bảo vệ: IP 55 - Áp lực max 15 bar - Nhiệt độ tối đa của chất lỏng: $-15^{\circ}C$ đến $+120^{\circ}C$.	Cái	02
V.2	Đồng hồ áp suất: - Cấu tạo: Thân inox, mặt kính - Kích thước bề mặt - Thang đo: 1 - 10 kg/cm^2 - Chân ren kết nối bằng inox	Cái	01
V.3	Hệ thống đường ống cấp nước R.O tuần hoàn rửa quả chất liệu UPVC (thiết kế quay vòng liên tục) Ống chính bao gồm: - Ống dẫn nước R.O chất liệu uPVC - Ống cấp đi - Ống hồi lưu - Nhiệt độ max :$60^{\circ}C$ Linh kiện, phụ kiện bao gồm: - Van khóa nhựa UPVC - Tê , góc, nối... UPVC Hộp che - Hộp nhựa PVC vuông màu trắng, kích thước 80mm x 150mm	Hệ thống	01
V.4	Đèn cực tím UV công suất $Q = 2m^3/h$. - Kiểm soát : BA-ICE-CL	cái	01
V.5	Bộ lõi lọc sát khuẩn 0,2 micromet, chất liệu Polypropylene: - Chiều dài 508 mm, đường kính ngoài 70 mm - Áp lực tối đa 35 Psi - Nhiệt độ tối đa $176^{\circ}F(80^{\circ}C)$ - Thương hiệu/xuất xứ: Mỹ	cái	01
V.6	Bộ khung giá lắp đặt thiết bị - Lắp đặt máy bơm - Vật liệu: inox 304 hoặc tương đương - Chân tăng đỡ có đệm cao su chống rung - Xuất xứ: Việt Nam	bộ	01
V.7	Van điều áp - Cấu tạo: thân van bằng inox304 - Cổng kết nối: $\frac{3}{4}$ inch	cái	01
V.8	Máng đầu rửa quả lọc thận nhân tạo bán tự động - Chất liệu khung vỏ : Inox 304, lớp cứng chịu va đập - Kích thước: 1500 x 450 x 1600 mm, dày 1.2mm	bộ	02

	- Số lượng công rửa: 04 công - Đầu kết nối đường dịch của quả lọc : 4 cái - Đầu kết nối đường máu của quả lọc : 4 cái - Số lượng công nạp hóa chất: 01 công - Bơm hoá chất: 01 cái - Đường ống dẫn hoá chất : 01 bộ - Đường ống, phụ kiện : Chất liệu UPVC		
V.9	Đường thải - Nhựa PVC	Bộ	01
V.10	Tủ điện điều khiển - MCCB, contactor, bảo vệ pha, công tắc, đèn báo, các rơ le... - Chương trình hoạt động được thiết kế tự động chạy và vận hành thủ công từng bơm...	Bộ	01
VI	Tài liệu hướng dẫn vận hành bằng tiếng Việt	Bộ	01
VII	Khảo sát chất lượng nước đầu vào theo QC 01:2018 - Chất lượng nước RO theo quy định của Quyết định 2482/2201/QĐ-BYT và ISO 23500:2019-3 chuẩn bị và quản lí chất lượng dịch thận nhân tạo và các trị liệu liên quan - Phần III: Nước cho thận nhân tạo và các trị liệu liên quan		

PHỤ LỤC 02 - MẪU BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

ST T	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng /khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước. Đơn vị báo giá ghi chú rõ cho từng thiết bị hay toàn bộ thiết bị

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế. Đơn vị báo giá ghi chú rõ cho từng thiết bị hay toàn bộ thiết bị

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.